

Số: 69/2024/QĐST-HNGĐ

Hòa Vang, ngày 04 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ các điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.  
Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 99/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Lê Q, sinh năm 1993 và bà Nguyễn Thị Kiều D, sinh năm 1993; cùng trú tại: Thôn T, xã P, huyện Hòa V, TP.Đà Nẵng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 4 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[2] Các đương sự đã tự thỏa thuận như sau:

*Về quan hệ hôn nhân:* Ông Lê Q và bà Nguyễn Thị Kiều D thuận tình ly hôn.

*Về con chung:* Ông Lê Q và bà Nguyễn Thị Kiều D xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Nguyễn V, sinh ngày: 21/5/2014. Ly hôn, ông Lê Q và bà Nguyễn Thị Kiều D tự nguyện thỏa thuận:

Giao con Lê Nguyễn V, sinh ngày: 21/5/2014 cho bà Nguyễn Thị Kiều D là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 tuổi.

Ông Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng), ngày cấp dưỡng là ngày 10 hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 5/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

*Về tài sản chung:* Ông Lê Q và bà Nguyễn Thị Kiều D xác định, không có tài sản chung.

*Về nợ chung:* Ông Lê Q và bà Nguyễn Thị Kiều D xác định, không có nợ chung.

*Lệ phí giải quyết việc dân sự 300.000 đồng,* ông Lê Q và bà Nguyễn Thị Kiều D mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền Cầm phí 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) ông Q và bà D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 0002004 ngày 05/4/2024. Ông Q và bà D đã nộp đủ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

I. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Lê Q và bà Nguyễn Thị Kiều D thuận tình ly hôn.

2. *Về con chung:* Giao con chung Lê Nguyễn V, sinh ngày: 21/5/2014 cho bà D là người trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Ông Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng), ngày cấp dưỡng là ngày 10 hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 5/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất thoả thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

3. *Về tài sản chung:* Không có.

4. *Về nợ chung:* Không có.

II. *Lệ phí giải quyết việc dân sự 300.000 đồng,* ông Lê Q và bà Nguyễn Thị Kiều D mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền Cầm phí 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) ông Q và bà D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 0002004 ngày 05/4/2024. Ông Q và bà D đã nộp đủ lệ phí.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã P, huyện Hòa Vang  
(Đăng ký kết hôn số 40 ngày 01/8/2013);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thế Anh**